CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 223 /CBTT-LT-TCHC	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 07 năm 2024*

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Lương thực thành Phố Hồ Chí Minh thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) 06 tháng đầu năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Lương thực thành Phố Hồ Chí Minh

- Mã chứng khoán: FCS
- Địa chỉ: 1610 Võ Văn Kiệt, Phường 7, Quận 6, TP.HCM
- Điện thoại liên hệ/Tel: (028) 3967 2060 Fax: (028) 3967 2022
- Email: info@foodcosa.vn Website: www.foodcosa.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC 06 tháng đầu năm 2024

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

☐ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2022):

☐ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có ☐ Không

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Ký ngày: 1/8/2024 11:10:22

+ Lợi nhuận sau thế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☐ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có ☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 30/07/2024 tại đường dẫn: https://foodcosa.vn/bao-cao-tai-chinh-ban-nien-2024-kem-giai-trinh-ket-qua-sxkd/

Đại diện tổ chức
Người UQCBTT

Tài liệu đính kèm:
- BCTC 06 tháng đầu Năm 2024
- Văn bản giải trình Kết quả SXKD 06 tháng đầu năm 2024

Nguyễn Quang Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN
LƯƠNG THỰC TP. HỒ CHÍ MINH
Số: 176 /TCKT-LT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 07 năm 2024

V/v: Giải trình kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2024 của Công ty cổ phần Lương Thực TP. Hồ Chí Minh.

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Căn cứ yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về giải trình kết quả kinh doanh lãi trong báo cáo quyết toán 6 tháng đầu năm 2024. Công ty Cổ phần Lương thực TP. Hồ Chí Minh kính báo báo về một số nguyên nhân dẫn đến kết quả kinh doanh Công ty lãi, cụ thể như sau:

1) Về tình hình chung

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn trong tình trạng thiếu hụt vốn lưu động, do đó Công ty đã tạm thời tận dụng khai thác triệt để các nguồn lực hiện có và tận dụng các nguồn thu tốt nhất trong ngắn hạn. Mặc khác, một trong những tình hình thực trạng khó khăn của Công ty là: đang phải gánh chịu khoản khấu hao; định phí lớn; chi phí người lao động …

Với quyết tâm bám sát thực tế các chỉ tiêu kế hoạch đã đăng ký với chủ sở hữu và trình Đại Hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; vì vậy Ban diều hành Công ty đã tìm ra nhiều giải pháp khả thi để tiếp tục triển khai thực hiện, trong đó: đã đánh giá, phân loại một số giải pháp cấp bách cần phải thực hiện hiện nay và giải pháp trong thời gian tới nhằm mục tiêu phấn đấu phải đạt kết quả tối ưu nhất. Theo đó, từng đơn vị trực thuộc của Công ty đã tích cực trong hoạt động kinh doanh, khai thác dịch vụ, gia công… Tuy tình hình hiện nay còn nhiều khó khăn, các khoản chiết khấu, hỗ trợ, thưởng từ nhà cung cấp cũng như các khoản thu nhập khác giảm nhưng Công ty vẫn duy trì hoạt động kinh doanh ổn định dẫn đến kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2024 của Công ty có lãi.

2/ Về kết quả kinh doanh của Công ty 6 tháng đầu năm 2024.

Theo báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2024 thì kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty Cổ phần Lương Thực Tp. Hồ Chí Minh lãi: 8.529.101 đồng (so với kết quả kinh doanh cùng kỳ năm 2023 lãi: 500.890.380 đồng, thì số giảm lãi là: 492.361.279 đồng).

3/ Về nguyên nhân chính ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2024.

Trong 6 tháng đầu năm 2024, tình hình tài chính Công ty vẫn còn rất khó khăn, vốn lưu động vẫn luôn âm và chưa được sự hỗ trợ vốn từ tổ chức nào. Để thực hiện kế hoạch năm 2024, Công ty đã bám sát mục tiêu không chạy theo doanh thu mà tập trung vào hiệu quả kinh doanh của các mặt hàng (gạo, hàng công nghệ phẩm …), hoạt động khai thác dịch vụ, gia công sản xuất và các khoản chiết khấu, hỗ trợ, thưởng từ nhà cung cấp, thu nhập khác cũng bù đắp được phần lớn chi phí. Nên kết quả kinh doanh (sau thuế TNDN) của Công ty 6 tháng đầu năm 2024 lãi : 8.529.101 đồng và giảm lãi 492.361.279 đồng so với cùng kỳ năm trước (6 tháng đầu năm 2023 lãi 500.890.380 đồng) do các nguyên nhân chủ yếu sau: Công ty phải trích lập dự phòng đầu tư tài chính trong 6 tháng đầu năm 2024 với số tiền 130.879.639 đồng (6 tháng đầu năm 2023 được hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính 1.703.755.502 đồng).

Trong 6 tháng đầu năm 2024 Công ty đã rất cố gắng và nỗ lực thực hiện các giải pháp để nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh như: đẩy mạnh cũng cố mua bán các mặt hàng gạo, xăng dầu, công nghệ phẩm…. Tiếp tục tăng cường tận dụng khai thác dịch vụ, triệt để giảm chi phí, chống lãng phí. Công ty sẽ cố gắng kinh doanh có lãi trong quý 3 năm 2024 và phấn đấu đạt các chỉ tiêu kinh doanh do Đại Hội đồng cổ đông đã thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:
- P. CNTT&TT;
- Lưu: VT,TCKT (02b). Lan.

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0300659014 - C.T.C.P * CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH * QUẬN 6 - T.P HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Văn Linh

CPAVIETNAM

Qualified Services
with Global
Understanding and Vision

INPACT MEMBER

Local Expertise
International Presence

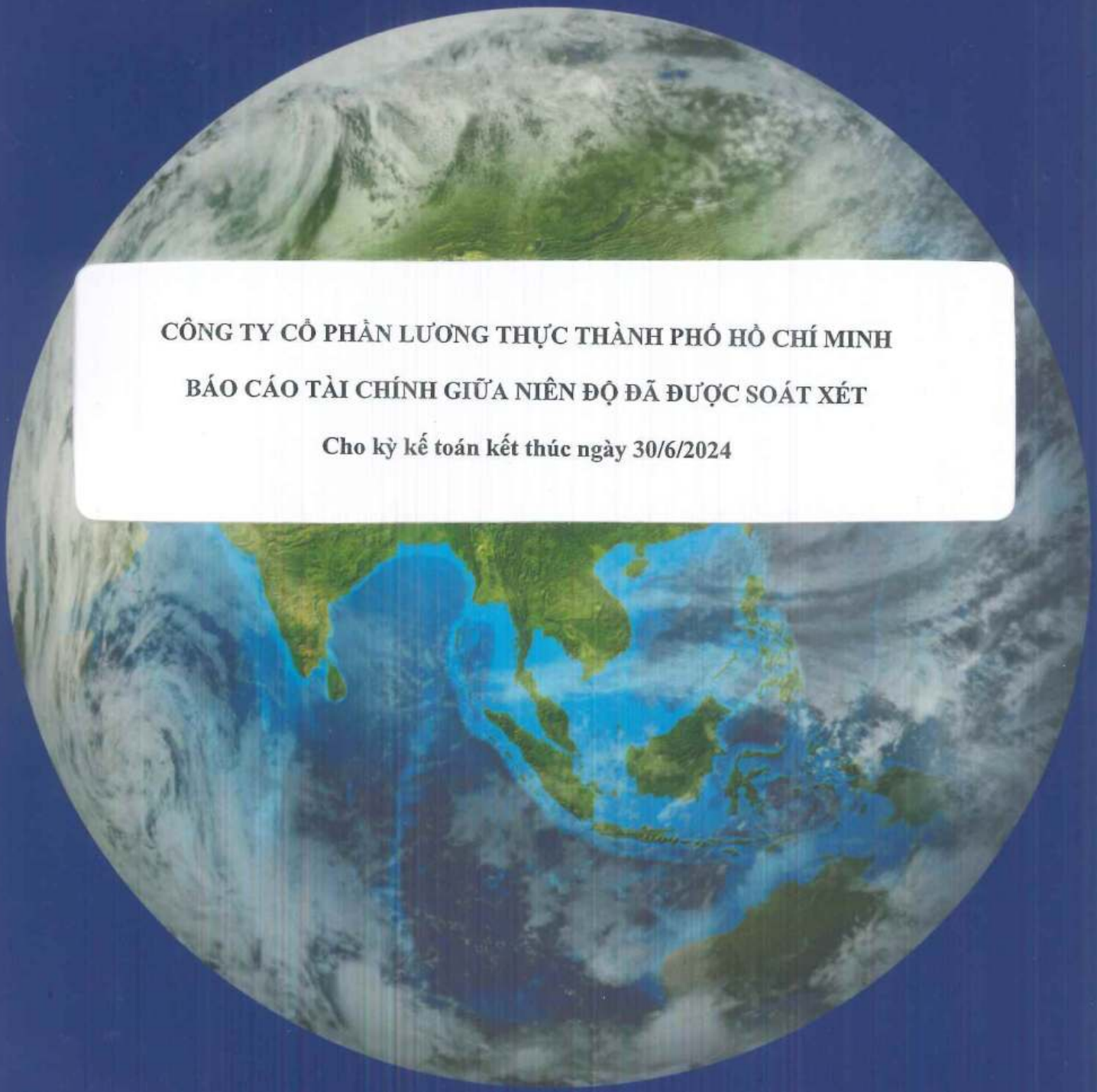

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

Head Office in Hanoi: 8th floor, VG Building,
No. 235 Nguyen Trai Str., Thanh Xuan Dist., Hanoi, Vietnam

+84 (24) 3 783 2121
+84 (24) 3 783 2122

info@cpavietnam.vn
www.cpavietnam.vn

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 42

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH MTV Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Lương thực Miền Nam (nay là Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300559014 lần đầu ngày 31/12/2008, thay đổi lần thứ 19 ngày 12/4/2024 về việc thay đổi người đại diện pháp luật của Công ty.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300559014 thay đổi lần thứ 19 ngày 12/4/2024 là: 294.500.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm chín mươi bốn tỷ, năm trăm triệu đồng).*

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên Sàn chứng khoán UpCOM với mã chứng khoán FCS.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 1610 Võ Văn Kiệt, phường 7, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng đã điều hành Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Tiến Dũng	Chủ tịch (Miễn nhiệm từ ngày 25/4/2024)
Ông Đoàn Quang Long	Chủ tịch (Bầu từ ngày 25/4/2024) Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 25/4/2024)
Ông Nguyễn Quang Tâm	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 25/4/2024)
Ông Nguyễn Văn Linh	Thành viên (Bầu thay thế từ ngày 25/4/2024)
Bà Hồ Thị Cẩm Vân	Thành viên (Bầu thay thế từ ngày 25/4/2024)
Bà Trần Thị Xuân Mai	Thành viên (Miễn nhiệm, sau đó được bầu thay thế ngày 25/4/2024)
Bà Phan Thị Bích Tuyên	Thành viên (Bầu thay thế từ ngày 25/4/2024)
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 25/4/2024)

Ban Kiểm soát

Ông Ngô Thành Giao	Trưởng ban
Bà Nguyễn Ngọc Mai Trinh	Thành viên (Miễn nhiệm, sau đó được bầu thay thế ngày 25/4/2024)
Bà Nguyễn Thị Cẩm Nhung	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Đoàn Quang Long	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 31/3/2024)
Ông Nguyễn Văn Linh	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/4/2024)
Bà Trần Thị Xuân Mai	Phó Tổng Giám đốc
Bà Huỳnh Thị Phượng	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng
Bà Phan Thị Bích Tuyên	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ để Báo cáo tài chính giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Nguyễn Văn Linh

Nguyễn Văn Linh
Tổng Giám đốc
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 7 năm 2024

CPA VIETNAM
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Trụ sở chính TP. Hà Nội:
Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building,
Số 235 Nguyễn Trãi, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội.
+84 (24) 3 783 2121 info@cpavietnam.vn
+84 (24) 3 783 2122 www.cpavietnam.vn

INPACT MEMBER

Số: 172/2024/BCSX-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Quý Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh được lập ngày 08/7/2024, từ trang 06 đến trang 42, bao gồm Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2024, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính giữa niên độ đến các thuyết minh sau đây:

- Như đã trình bày tại Mục d của Thuyết minh số 5.19, trong năm 2017, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua phương án giảm vốn điều lệ (phần vốn Nhà nước) theo Nghị quyết số 02/NQLT-ĐHĐCĐ ngày 29/9/2017. Số vốn điều lệ điều chỉnh giảm là 39.362.000.000 VND (tương ứng giảm 3.936.200 cổ phần của Nhà nước) theo Quyết định số 67/QĐ-HĐTV ngày 22/8/2017 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty TNHH MTV (nay là Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần) về việc phê duyệt Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp lần 2 và phần vốn Nhà nước tại thời điểm chuyển thành Công ty cổ phần (ngày 01/9/2016) của Công ty TNHH MTV Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty đang thực hiện các thủ tục để thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh, nhưng vẫn chưa được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Như trình bày tại Thuyết minh số 7.4, Công ty ghi nhận lãi sau thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 là 8.529.101 VND, tuy nhiên khoản lỗ lũy kế đến thời điểm ngày 30/6/2024 là 192.839.417.740 VND. Ngoài ra, tại thời điểm ngày 30/6/2024, các khoản nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 45.565.156.423 VND. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

- Như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.10, tại ngày 30/6/2024, Công ty đang theo dõi giá trị quyền sử dụng 04 lô đất tại Thành phố Hồ Chí Minh cũng như nghĩa vụ phải nộp nhà nước trên chỉ tiêu "Tài sản cố định vô hình" và chỉ tiêu "Phải trả dài hạn khác" với số tiền là 561.416.855.000 VND theo Quyết định số 67/QĐ-HĐTV ngày 22/8/2017 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty TNHH MTV (nay là Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần) về việc phê duyệt kết quả xác định giá trị doanh nghiệp lần 2 và phần vốn phải trả nhà nước tại thời điểm chuyển thành Công ty cổ phần (01/9/2016) của Công ty TNHH MTV Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh. Giá trị quyền sử dụng đất cũng như phương án sử dụng của các lô đất này có thể thay đổi sau khi có ý kiến chính thức của Uỷ ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

- Như đã trình bày tại Thuyết minh số 7.1, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh chưa có quyết định chính thức về hình thức về việc giao đất hay cho thuê đất đối với lô đất tại số 270 - 277 Trần Văn Kiểu, phường 3, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Công ty chưa có cơ sở xác định giá trị quyền sử dụng đất để ghi nhận phần chênh lệch giá trị hỗ trợ đền bù, di dời lô đất.

Kết luận chấp nhận toàn phần của Chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi các vấn đề này.

Nguyễn Thị Mai Hoa
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1
Giấy Ủy quyền số: 08/2024/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2024 của Chủ tịch HĐTV, Tổng Giám đốc
Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT
Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

	TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
A -	**TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)**	**100**		**56.072.584.070**	**38.715.238.578**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	**5.1**	**3.290.490.141**	**20.106.835.374**
1.	Tiền	111		3.290.490.141	20.106.835.374
II.	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**		-	-
III.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**9.429.485.801**	**8.157.327.211**
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	2.453.638.780	2.387.935.458
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	355.729.558	479.719.558
3.	Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	3.852.155.121	2.521.709.853
4.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.6	2.767.962.342	2.767.962.342
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**	**5.7**	**41.218.802.587**	**8.788.449.069**
1.	Hàng tồn kho	141		41.218.802.587	8.788.449.069
V.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**2.133.805.541**	**1.662.626.924**
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.11	631.889.698	209.544.490
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		193.500.894	186.164.081
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.10	1.308.414.949	1.266.918.353
B -	**TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)**	**200**		**675.967.093.683**	**681.492.950.662**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		-	-
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**651.928.448.797**	**657.236.754.210**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	83.515.836.315	88.711.032.884
-	*Nguyên giá*	*222*		*613.293.674.298*	*613.362.401.571*
-	*Giá trị hao mòn lũy kế*	*223*		*(529.777.837.983)*	*(524.651.368.687)*
2.	Tài sản cố định vô hình	227	5.10	568.412.612.482	568.525.721.326
-	*Nguyên giá*	*228*		*574.634.903.793*	*574.850.451.793*
-	*Giá trị hao mòn lũy kế*	*229*		*(6.222.291.311)*	*(6.324.730.467)*
III.	**Bất động sản đầu tư**	**230**		-	-
IV.	**Tài sản dở dang dài hạn**	**240**		**5.700.500**	**5.700.500**
1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	5.700.500	5.700.500
V.	**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**	**250**	**5.2**	**18.835.642.881**	**18.966.522.520**
1.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		5.853.508.822	5.853.508.822
2.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		13.769.085.107	13.769.085.107
3.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(786.951.048)	(656.071.409)
VI.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**5.197.301.505**	**5.283.973.432**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	5.197.301.505	5.283.973.432
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	**270**		**732.039.677.753**	**720.208.189.240**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

	NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2024 VND	01/01/2024 VND
C-	**NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)**	**300**		**669.741.095.493**	**657.918.136.081**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**101.637.740.493**	**89.664.781.081**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	27.499.590.570	25.934.721.309
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	10.440.913.100	3.550.000
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	791.835.051	654.888.878
4.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	26.895.835.380	25.512.382.571
5.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.16	640.000.000	1.480.000.000
6.	Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	34.466.966.392	35.176.638.323
7.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	900.000.000	900.000.000
8.	Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		2.600.000	2.600.000
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**568.103.355.000**	**568.253.355.000**
1.	Phải trả dài hạn khác	337	5.17	568.103.355.000	568.253.355.000
D-	**VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 =410+430)**	**400**		**62.298.582.260**	**62.290.053.159**
I-	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**5.19**	**62.298.582.260**	**62.290.053.159**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		255.138.000.000	255.138.000.000
-	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*255.138.000.000*	*255.138.000.000*
2.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(192.839.417.740)	(192.847.946.841)
-	*LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*	*421a*		*(192.847.946.841)*	*(193.860.856.047)*
-	*LNST chưa phân phối kỳ này*	*421b*		*8.529.101*	*1.012.909.206*
II-	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430**		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	**440**		**732.039.677.753**	**720.208.189.240**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 7 năm 2024

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Phạm Thị Phương Lan	Huỳnh Thị Phượng	Nguyễn Văn Linh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**6.1**	**212.711.916.067**	**202.219.139.162**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	**10**		**212.711.916.067**	**202.219.139.162**
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	178.439.650.959	169.368.858.592
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	**20**		**34.272.265.108**	**32.850.280.570**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	17.712.324	29.800.299
7. Chi phí tài chính	22	6.4	131.138.436	(918.601.242)
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	3.573.535.135	3.151.865.474
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	31.200.659.137	31.517.384.351
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	**30**		**(615.355.276)**	**(870.567.714)**
11. Thu nhập khác	31	6.7	744.654.035	1.420.472.996
12. Chi phí khác	32	6.7	120.769.658	49.014.902
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	**40**	**6.7**	**623.884.377**	**1.371.458.094**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	**50**		**8.529.101**	**500.890.380**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	**60**		**8.529.101**	**500.890.380**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**6.10**	**0,33**	**20**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 7 năm 2024

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Phạm Thị Phương Lan	Huỳnh Thị Phượng	Nguyễn Văn Linh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

	CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
I.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		242.482.315.061	223.274.044.990
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(229.978.793.000)	(210.699.782.327)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(4.856.805.001)	(4.873.547.292)
4.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.051.046.737	5.344.722.791
5.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(26.562.320.300)	(11.647.669.925)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***(16.864.556.503)***	***1.397.768.237***
II.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư**				
1.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		30.498.946	471.000.000
2.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		17.677.884	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***48.176.830***	***471.000.000***
III.	**Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính**				
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	**50**		**(16.816.379.673)**	**1.868.768.237**
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**5.1**	**20.106.835.374**	**9.875.580.044**
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	*61*		*34.440*	*72.256*
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	**70**	**5.1**	**3.290.490.141**	**11.744.420.537**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 7 năm 2024

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Phạm Thị Phương Lan	Huỳnh Thị Phượng	Nguyễn Văn Linh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh tiền thân là Công ty TNHH MTV Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Lương thực Miền Nam (nay là Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300559014 lần đầu ngày 31/12/2008, thay đổi lần thứ 19 ngày 12/4/2024 về việc thay đổi người đại diện pháp luật của Công ty.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300559014 thay đổi lần thứ 19 ngày 12/4/2024 là: 294.500.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm chín mươi bốn tỷ, năm trăm triệu đồng).*

Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên Sàn chứng khoán UpCOM với mã chứng khoán FCS.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 1610 Võ Văn Kiệt, phường 7, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2024 là 105 người (tại ngày 31/12/2023 là 108 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất, chế biến, kinh doanh lương thực, thực phẩm và công nghệ phẩm;
- Đại lý bán lẻ xăng dầu; bán lẻ các mặt hàng tiêu dùng;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Và các ngành nghề khác theo giấy phép đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Sản xuất, chế biến, kinh doanh lương thực; siêu thị, khai thác hàng ký gửi.

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2024, Công ty có các liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
	Các Công ty liên kết					
1	Công ty Cổ phần Phú Tam Khôi	161 Trần Huy Liệu, phường 08, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh	Bán buôn thực phẩm, đồ gia dụng	40,00%	40,00%	40,00%

Các đơn vị trực thuộc bao gồm

STT	Tên Chi nhánh, Xí nghiệp	Địa chỉ
1	Chi nhánh FoodcoMart Sài Gòn	Số 1610 Võ Văn Kiệt, phường 07, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh
2	Chi nhánh FoodcoMart Tây Ninh	Số 194, đường Tua Hai, khu phố 2, Phường 1, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh
3	Chi nhánh FoodcoMart Đắk Nông	Tổ dân phố 1, thị Trấn Kiến Đức, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông
4	Xí nghiệp Lương thực Sài Gòn Satake	176 Nguyễn Hữu Trí, thị Trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
5	Xí nghiệp Lương thực Cửu Long	736 Quốc lộ 91, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ
6	Xí nghiệp Lương thực Thới An	Số 1693, Quốc Lộ 91, phường Thuận An, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ
7	Xí nghiệp Lương thực Phúc Lộc	KV Phúc Lộc 3, phường Thạnh Hòa, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ
8	Xí nghiệp Lương thực Thạnh An	Ấp Phụng Phụng, xã Thạnh Tiến, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ
9	Xí nghiệp Lương thực Mỹ Thới	Khóm Đông Thạnh, phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
10	Xí nghiệp Lương thực Tri Tôn	Ấp Giồng Cát, xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ kế toán giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2024.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính giữa niên độ của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Hàng tồn kho là lương thực: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho (Tiếp theo)

Hàng tồn kho là xăng dầu và hàng hóa công nghệ phẩm: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 55
Máy móc, thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10
TSCĐ khác	04 - 25

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất và phần mềm kế toán được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được tạm ghi nhận theo giá trị đã được phê duyệt tại Quyết định số 67/QĐ-HĐTV ngày 22/8/2017 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty TNHH MTV (nay là Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần). Giá trị Quyền sử dụng đất này có thể được thay đổi khi có ý kiến chính thức của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình (Tiếp theo)

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 5 năm đến 10 năm.

Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Công ty là bên góp vốn

Các khoản vốn bằng tiền và tài sản góp vào BCC được ghi nhận như một khoản công nợ phải thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ghi nhận doanh thu, chi phí theo BCC: BCC quy định các bên khác tham gia BCC được hưởng một khoản lợi nhuận cố định.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong .. năm/tháng.

Chi phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất

Chi phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất thể hiện khoản tiền chuyển nhượng đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (548 tháng).

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 01/09/2016. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả (Tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí thuê nhà, đất phải trả: trích trước theo thời gian thực hiện hợp đồng;
- Tiền lãi chậm trả: Trích trước theo số dư gốc phải trả và thời gian quá hạn thanh toán;
- Chi phí khác: Trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian thuê tài sản.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm gạo, hàng công nghệ phẩm, xăng dầu và doanh thu cung cấp dịch vụ,...

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh gạo, công nghệ phẩm, xăng dầu và hoạt động khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền mặt	1.588.576.000	1.297.752.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.701.914.141	18.809.083.374
Tổng	**3.290.490.141**	**20.106.835.374**

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

	Tỷ lệ		30/6/2024 (VND)			01/01/2024 (VND)		
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty liên kết			**5.853.508.822**		**(437.724.796)**	**5.853.508.822**		**(437.724.796)**
Công ty Cổ phần Phú Tam Khôi	40,00%	40,00%	5.853.508.822	(i)	(437.724.796)	5.853.508.822	(i)	(437.724.796)
Đầu tư vào đơn vị khác			**13.769.085.107**		**(349.226.252)**	**13.769.085.107**		**(218.346.613)**
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đồng Thịnh	15,00%	15,00%	10.577.034.161	(i)	-	10.577.034.161	(i)	-
Công ty Cổ phần Bao bì Bình Tây	4,73%	4,73%	1.923.733.832	(i)	(349.226.252)	1.923.733.832	(i)	(218.346.613)
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương (ii)	0,04%	0,04%	1.268.317.114	1.479.139.200	-	1.268.317.114	1.411.905.600	-
Tổng			**19.622.593.929**		**(786.951.048)**	**19.622.593.929**		**(656.071.409)**

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, và các khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày kết thúc kỳ kế toán cần được trình bày, tuy nhiên:

(i) Đối với các khoản đầu tư vào các công ty chưa niêm yết hoặc có cổ phiếu giao dịch trên thị trường chứng khoán, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

(ii) Đối với các khoản đầu tư vào các công ty niêm yết hoặc có cổ phiếu giao dịch trên thị trường chứng khoán, Công ty đã xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này trên cơ sở giá niêm yết của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Công ty TNHH POUYUEN Việt Nam	640.000.000	600.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ và Dịch vụ Chất Việt	724.860.000	979.530.000
Công ty TNHH Phát Triển Việt Quốc Tế	-	394.300.000
Hợp tác xã Vận tải Đức Công	415.384.268	245.429.208
Các đối tượng khác	673.394.512	168.676.250
Tổng	**2.453.638.780**	**2.387.935.458**

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng VAD	-	380.039.000
Công ty Cổ phần Acecook Việt Nam	321.495.558	-
Các đối tượng khác	34.234.000	99.680.558
Tổng	**355.729.558**	**479.719.558**

5.5 Phải thu khác

	30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Tạm ứng cho nhân viên	635.928.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Bến Thành (i)	2.314.234.026	-	2.230.226.626	-
Các khoản khác	901.993.095	-	291.483.227	-
Tổng	**3.852.155.121**	**-**	**2.521.709.853**	**-**

(i) Khoản phải thu lại tiền thuê đất phát sinh từ năm 2022 đến ngày 30/6/2024 tại mặt bằng số 400 Nguyễn Duy, Phường 9, Quận 8, TP.Hồ Chí Minh.

5.6 Tài sản thiếu chờ xử lý

	30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Hàng hóa		2.767.962.342		2.767.962.342
Tổng		**2.767.962.342**		**2.767.962.342**

(i) Hàng tồn kho thất thoát theo Biên bản kiểm kê ngày 19/01/2022 tại cửa hàng số 1060, Âu Cơ, Phường 4, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Chi nhánh Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Mính - Foodcomart Sài Gòn. Ngày 14/02/2022, Công ty đã làm đơn tố giác tội phạm lên cơ quan có thẩm quyền về hành vi lạm dụng quyền hạn, tham ô biển thủ tài sản của các cá nhân có liên quan. Đến nay, Cơ quan Công an vẫn đang tiếp tục điều tra thụ lý vụ việc.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.7 Hàng tồn kho

	30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.304.597.756	-	732.396.913	-
Công cụ, dụng cụ	292.382.570	-	221.118.320	-
Thành phẩm	30.220.182.586	-	112.373.761	-
Hàng hóa	8.401.639.675	-	7.722.560.075	-
Tổng	**41.218.802.587**	-	**8.788.449.069**	-

5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
b) Xây dựng cơ bản	**5.700.500**	**5.700.500**
Dự án xây dựng trạm xăng dầu Nguyễn Hữu Trí	5.700.500	5.700.500
Tổng	**5.700.500**	**5.700.500**

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại ngày 01/01/2024	**396.992.912.156**	**192.212.881.966**	**8.364.887.159**	**12.420.041.077**	**3.371.679.213**	**613.362.401.571**
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	**(36.000.000)**	**(32.727.273)**	**(68.727.273)**
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(36.000.000)	(32.727.273)	(68.727.273)
Số dư tại ngày 30/6/2024	**396.992.912.156**	**192.212.881.966**	**8.364.887.159**	**12.384.041.077**	**3.338.951.940**	**613.293.674.298**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại ngày 01/01/2024	**326.215.226.864**	**174.810.187.235**	**8.364.887.159**	**12.190.118.000**	**3.070.949.429**	**524.651.368.687**
Tăng trong kỳ	**2.804.156.052**	**2.257.456.464**	-	**78.232.551**	**55.351.502**	**5.195.196.569**
Khấu hao trong kỳ	2.804.156.052	2.257.456.464	-	78.232.551	55.351.502	5.195.196.569
Giảm trong kỳ	-	-	-	**(36.000.000)**	**(32.727.273)**	**(68.727.273)**
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(36.000.000)	(32.727.273)	(68.727.273)
Số dư tại ngày 30/6/2024	**329.019.382.916**	**177.067.643.699**	**8.364.887.159**	**12.232.350.551**	**3.093.573.658**	**529.777.837.983**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2024	**70.777.685.292**	**17.402.694.731**	-	**229.923.077**	**300.729.784**	**88.711.032.884**
Tại ngày 30/6/2024	**67.973.529.240**	**15.145.238.267**	-	**151.690.526**	**245.378.282**	**83.515.836.315**

Nguyên giá của các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30/6/2024 là 210.875.921.514 VND (tại ngày 31/12/2023 là 207.714.441.687 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.10 Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại ngày 01/01/2024	**572.155.015.221**	**2.695.436.572**	**574.850.451.793**
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	**(215.548.000)**	**(215.548.000)**
Giảm tài sản không còn sử dụng	-	(215.548.000)	(215.548.000)
Số dư tại ngày 30/6/2024	**572.155.015.221**	**2.479.888.572**	**574.634.903.793**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại ngày 01/01/2024	**3.629.293.895**	**2.695.436.572**	**6.324.730.467**
Tăng trong kỳ	**113.108.844**	-	**113.108.844**
Khấu hao trong kỳ	113.108.844	-	113.108.844
Giảm trong kỳ	-	**(215.548.000)**	**(215.548.000)**
Giảm tài sản không còn sử dụng	-	(215.548.000)	(215.548.000)
Số dư tại ngày 30/6/2024	**3.742.402.739**	**2.479.888.572**	**6.222.291.311**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2024	**568.525.721.326**	-	**568.525.721.326**
Tại ngày 30/6/2024	**568.412.612.482**	-	**568.412.612.482**

(i) Tại ngày 30/6/2024, trong số các lô đất tương ứng với quyền sử dụng đất là 572.155.015.221 VND, Công ty đang ghi nhận tài sản cố định vô hình là giá trị Quyền sử dụng đất của 04 lô đất theo giá trị đã được phê duyệt tại Quyết định số 67/QĐ-HĐTV ngày 22/8/2017 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty TNHH MTV (nay là Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần) về việc phê duyệt kết quả xác định giá trị doanh nghiệp lần 2 và phần vốn phải trả nhà nước tại thời điểm chuyển thành Công ty cổ phần (01/9/2016) của Công ty TNHH MTV Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh. Giá trị Quyền sử dụng đất và phương án sử dụng đất của 04 lô đất này có thể thay đổi khi có ý kiến chính thức của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Chi tiết 04 lô đất như sau:

Địa chỉ khu đất	Diện tích (m2)	Nguyên giá tạm tính (VND)
Số 1610 Võ Văn Kiệt, phường 7, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh	21.680	429.265.980.000
Số 400 Nguyễn Duy, phường 9, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh (*)	13.983	119.323.400.000
Số 491/12 Nguyễn Đình Chiểu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	127	3.889.875.000
Số 175B Trần Tuấn Khải, phường 5, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh	294	8.937.600.000
Tổng	**36.084**	**561.416.855.000**

(*) Ngày 12/3/2018, Bộ Tài chính có văn bản số 323/QĐ-BTC về việc thu hồi cơ sở nhà đất số 400 Nguyễn Duy (cơ sở nhà đất 400 Nguyễn Duy có nguyên giá tạm xác định là: 119.323.400.000 đồng, nằm trong tổng số 04 lô đất với tổng nguyên giá tạm xác định 561.416.855.000 đồng). Ngày 17/9/2018, Uỷ ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có ý kiến bằng văn bản số 4271/UBND-KT về phương án sắp xếp lại, xử lý đối với 66/88 cơ sở nhà đất của Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty TNHH MTV (nay là Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần) trên địa bàn thành phố. Đến thời điểm ngày 30/06/2024 vẫn chưa có đầy đủ hồ sơ pháp lý, cũng như chưa tiến hành bàn giao nên chưa được ghi giảm. Công ty sẽ thực hiện điều chỉnh nội dung trên khi có đầy đủ các hồ sơ pháp lý.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30/6/2024 là 2.419.888.572VND (ngày 31/12/2023 là 2.635.436.572 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.11 Chi phí trả trước

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
a) Ngắn hạn	**631.889.698**	**209.544.490**
Chi phí sửa chữa, cải tạo	189.495.002	56.673.347
Chi phí bảo hiểm	57.715.605	110.692.236
Chi phí bảo trì phần mềm	9.600.000	9.600.000
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	101.097.500	23.687.500
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	273.981.591	8.891.407
b) Dài hạn	**5.197.301.505**	**5.283.973.432**
Chi phí sửa chữa, cải tạo	-	54.956.238
Chi phí bảo hiểm	-	17.333.330
Chi phí bảo trì phần mềm	-	26.774.998
Cước phí Internet	-	11.523.478
Chi phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất (i)	4.619.268.207	4.683.134.139
Lợi thế kinh doanh (ii)	394.901.299	486.032.368
Chi phí trả trước dài hạn khác	183.131.999	4.218.881
Tổng	**5.829.191.203**	**5.493.517.922**

(i) Chi phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang với tổng số tiền là 5,832 tỷ đồng, thời gian phân bổ là 548 tháng. Mục đích mở Chi nhánh Lương thực Tri Tôn để sản xuất lúa gạo. Năm 2024 là năm sử dụng thứ 13.

(ii) Lợi thế kinh doanh được Công ty ghi nhận theo Quyết định số 67/QĐ-HĐTV ngày 22/8/2017 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty TNHH MTV (nay là Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần) về việc phê duyệt kết quả xác định giá trị doanh nghiệp lần 2 và phần vốn phải trả nhà nước tại thời điểm chuyển thành Công ty cổ phần (01/9/2016) của Công ty TNHH MTV Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh. Lợi thế kinh doanh được xác định là 1,822 tỷ đồng và được phân bổ trong thời gian 10 năm kể từ năm 2016.

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - CTCP	24.361.723.614	24.361.723.614	24.361.723.614	24.361.723.614
Phải trả người bán khác	3.137.866.956	3.137.866.956	1.572.997.695	1.572.997.695
Tổng	**27.499.590.570**	**27.499.590.570**	**25.934.721.309**	**25.934.721.309**
Trong đó,				
Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)	***24.361.723.614***	***24.361.723.614***	***24.361.723.614***	***24.361.723.614***
Nợ quá hạn chưa thanh toán				
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - CTCP	24.361.723.614	24.361.723.614	24.361.723.614	24.361.723.614
Tổng	**24.361.723.614**	**24.361.723.614**	**24.361.723.614**	**24.361.723.614**

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Tổng công ty Lương thực Miền Nam - CTCP	10.274.700.000	-
Đối tượng khác	166.213.100	3.550.000
Tổng	**10.440.913.100**	**3.550.000**
Trong đó,		
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)	***10.274.700.000***	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.14 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2024
Phải nộp	**654.888.878**	**21.577.602.758**	**21.440.656.585**	**791.835.051**
Thuế giá trị gia tăng	654.888.878	2.849.536.983	2.712.590.810	791.835.051
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.521.100	1.521.100	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	18.662.544.675	18.662.544.675	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	64.000.000	64.000.000	-
Phải thu	**1.266.918.353**	**19.344.741**	**60.841.337**	**1.308.414.949**
Thuế giá trị gia tăng	67.044.418	-	-	67.044.418
Thuế thu nhập doanh nghiệp	488.454.009	-	-	488.454.009
Thuế thu nhập cá nhân	707.246.846	19.344.741	-	687.902.105
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	4.173.080	-	60.841.337	65.014.417

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Chi phí thuê đất (i)	1.729.236.467	372.899.776
Chi phí thuê nhà quý 3/2015 tại 57 Nguyễn Thị Minh Khai (ii)	1.062.000.000	1.062.000.000
Tiền lãi về cổ phần hóa phải trả (iii)	10.466.444.992	10.466.444.992
Tiền lãi chậm thanh toán phải trả Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - CTCP (iv)	6.438.988.877	6.438.988.877
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	7.199.165.044	7.172.048.926
Tổng	**26.895.835.380**	**25.512.382.571**
Trong đó,		
Chi phí phải trả cho các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)	***16.905.433.869***	***16.905.433.869***

(i) Tiền thuê đất tại các địa điểm kinh doanh thuộc địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đang được trích trước theo giá đất do Uỷ ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành tại Quyết định số 50/2014/QĐ-UBND ngày 24/12/2014, Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014, Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 16/01/2020, Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND ngày 16/01/2020, Quyết định số 56/2023/QĐ-UBND ngày 21/12/2023. Một số lô đất của Công ty chưa được Ủy ban nhân dân tái ký lại hợp đồng thuê đất nên chi phí tiền thuê đất đang trích trước được trình bày trên báo cáo tài chính này có thể bị thay đổi theo quyết định của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

(ii) Trích trước tiền thuê nhà tại số 57 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh của Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh nhà Thành phố Hồ Chí Minh theo Bản án phúc thẩm số 1046/2016/KDTM-PT của Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ngày 13/9/2016. Chi tiết về nợ tiềm tàng phát sinh từ Bản án phúc thẩm này trình bày tại Thuyết minh số 7.1.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn (Tiếp theo)

(iii) Lãi chậm nộp từ nguồn thu cổ phần hóa phải nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần theo Nghị quyết số 04/NQ-LT-HĐQT ngày 19/8/2020.

(iv) Lãi chậm trả tiền mua gạo phải trả Tổng Công ty Lương thực Miền nam – Công ty Cổ phần theo hợp đồng mua bán số 01/MB/2017 ngày 17/01/2017.

5.16 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Doanh thu nhận trước tiền khai thác dịch vụ lưu giữ hàng hóa, kho bãi	640.000.000	1.480.000.000
Tổng	**640.000.000**	**1.480.000.000**

5.17 Phải trả khác

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
a) Ngắn hạn	**34.466.966.392**	**35.176.638.323**
Kinh phí công đoàn	37.727.150	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9.625.990.862	10.237.398.862
Phải trả về cổ phần hóa (i)	17.222.929.928	17.222.929.928
Phải trả Bộ Tài chính tiền cấp kinh phí xây dựng cơ bản (ii)	7.553.170.410	7.553.170.410
Phải trả ngắn hạn khác	27.148.042	163.139.123
b) Dài hạn	**568.103.355.000**	**568.253.355.000**
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.536.500.000	1.836.500.000
Phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Bến Thành (iii)	5.000.000.000	5.000.000.000
Phải trả dài hạn khác (iv)	561.566.855.000	561.416.855.000
Tổng	**602.570.321.392**	**603.429.993.323**
Trong đó,		
Phải trả cho các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)	***17.222.929.928***	***17.222.929.928***
Các khoản phải trả ngắn hạn khác quá hạn thanh toán		
Phải trả về cổ phần hóa (i)	17.222.929.928	17.222.929.928
Tổng	**17.222.929.928**	**17.222.929.928**

(i) Phải trả về cổ phần hóa phải nộp về Quỹ hỗ trợ và sắp xếp doanh nghiệp theo Quyết định số 67/QĐ-HĐTV ngày 22/8/2017 về việc phê duyệt kết quả xác định giá trị doanh nghiệp lần 2 và phần vốn phải trả Nhà nước tại thời điểm chuyển thành Công ty Cổ phần (01/9/2016) của Tổng Công ty Lương Thực Miền Nam - Công ty TNHH MTV (nay là Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần). Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, khoản nợ này đã quá hạn thanh toán.

(ii) Thuế giá trị gia tăng của tài sản đầu tư sử dụng nguồn vốn từ khoản tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất (các dự án đầu tư xây dựng cơ bản được ngân sách cấp vốn) còn phải nộp về Bộ Tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.17 Phải trả khác (Tiếp theo)

(iii) Phải trả Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Bến Thành là tiền hợp tác kinh doanh theo hợp đồng số 86/BTL - HĐKT - 2010 ngày 18/8/2010 về "Hợp tác kinh doanh xây dựng trung tâm thương mại". Theo đó, hai bên cùng hợp tác để thực hiện dự án khu cao ốc liên hợp trung tâm thương mại- dịch vụ, văn phòng cho thuê và căn hộ tại số 400 Nguyễn Duy, Phường 9, Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh. Công ty góp vốn bằng giá trị tài sản trên đất và lợi thế kinh doanh của mặt bằng 400 Nguyễn Duy, Phường 9, Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Bến Thành góp toàn bộ vốn đầu tư để thực hiện dự án (dự kiến 992,9 tỷ VND). Công ty được phân chia một khoản lợi nhuận cố định mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của dự án sau khi hoàn thành nghĩa vụ thanh toán lợi nhuận cho Công ty thì Công ty CP Địa ốc Bến Thành được hưởng toàn bộ lợi nhuận từ việc kinh doanh, khai thác của dự án. Đến ngày 12/3/2018, Bộ Tài chính đã có công văn số 323/QĐ-BTC về việc thu hồi và bàn giao cơ sở nhà đất 400 Nguyễn Duy về Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh. Ngày 17/9/2018, Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã có ý kiến bằng văn bản số 4271/UBND-KT về phương án sắp xếp lại, xử lý đối với 66/88 cơ sở nhà đất của Tổng Công ty Lương Thực Miền Nam Công ty TNHH MTV (nay là Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần) trên địa bàn thành phố. Theo đó dự án tại 400 Nguyễn Duy sẽ bị thu hồi theo đề nghị của Bộ Tài chính. Tại ngày 30/6/2024, Công ty chưa hoàn thiện đủ hồ sơ pháp lý cũng như chưa tiến hành bàn giao lại mặt bằng tại địa điểm này cho Uỷ ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

(iv) Đất giao có thu tiền sử dụng đất: Giá trị quyền sử dụng đất sau khi được tính theo Quyết định số 50/2014/QĐ-UBND ngày 24/12/2014, Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh áp dụng từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2019, giá trị quyền sử dụng đất này được tạm tính tăng vào giá trị doanh nghiệp và tạm tăng nợ phải trả. Xem chi tiết tại Thuyết minh số 5.10.

5.18 Các khoản vay ngắn hạn

	30/6/2024 (VND)		Trong kỳ (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	*900.000.000*	*900.000.000*	-	-	*900.000.000*	*900.000.000*
Công ty Cổ phần Thương mại Địa ốc Việt (i)	900.000.000	900.000.000	-	-	900.000.000	900.000.000
Tổng	**900.000.000**	**900.000.000**	-	-	**900.000.000**	**900.000.000**

(i) Vay ngắn hạn theo hợp đồng vay số 07/2013/HĐVT ngày 28/01/2013 và Phụ lục 09/2013/PL-HĐVT ngày 11/3/2013, tổng số tiền vay: 900.000.000 VND, mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay: 12 tháng, lãi suất vay: 0%, hình thức đảm bảo: vay tín chấp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.19 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2023	**255.138.000.000**	**(193.860.856.047)**	**61.277.143.953**
Lãi trong năm trước	-	1.012.909.206	1.012.909.206
Số dư tại ngày 31/12/2023	**255.138.000.000**	**(192.847.946.841)**	**62.290.053.159**
Số dư tại ngày 01/01/2024	**255.138.000.000**	**(192.847.946.841)**	**62.290.053.159**
Lãi trong kỳ này	-	8.529.101	8.529.101
Số dư tại ngày 30/6/2024	**255.138.000.000**	**(192.839.417.740)**	**62.298.582.260**

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	Tại ngày 30/6/2024			Tại ngày 01/01/2024		
	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)
Tổng Công ty Lương thực Miền nam - CTCP	15.250.900	59,78%	152.509.000.000	15.250.900	59,78%	152.509.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Song Mộc	7.040.914	27,60%	70.409.140.000	9.640.914	37,79%	96.409.140.000
Các cổ đông khác	3.221.986	12,62%	32.219.860.000	621.986	2,43%	6.219.860.000
Tổng	**25.513.800**	**100,00%**	**255.138.000.000**	**25.513.800**	**100,00%**	**255.138.000.000**

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu kỳ	255.138.000.000	255.138.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	255.138.000.000	255.138.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

d. Cổ phiếu

	30/06/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	**25.513.800**	**25.513.800**
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	**29.450.000**	**29.450.000**
Cổ phiếu phổ thông	28.899.000	28.899.000
Cổ phiếu ưu đãi	551.000	551.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang chờ thủ tục thu hồi (i)	**3.936.200**	**3.936.200**
Cổ phiếu phổ thông	3.936.200	3.936.200
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**25.513.800**	**25.513.800**
Cổ phiếu phổ thông	24.962.800	24.962.800
Cổ phiếu ưu đãi	551.000	551.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	*10.000*	*10.000*

(i) Đây là số lượng cổ phiếu được thu hồi tương ứng với số cổ phần của Nhà nước ghi giảm thuộc sở hữu của Tổng Công ty Lương Thực Miền Nam - Công ty TNHH MTV (nay là Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần). Theo đó, trong năm 2017, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua phương án giảm vốn điều lệ (phần vốn Nhà nước) theo Nghị quyết số 02/NQLT-ĐHĐCĐ ngày 29/9/2017. Số vốn điều lệ điều chỉnh giảm là 39.362.000.000 VND (tương ứng giảm 3.936.200 cổ phần của Nhà nước) theo Quyết định số 67/QĐ-HĐTV ngày 22/8/2017 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty TNHH MTV (nay là Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần) về việc phê duyệt Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp lần 2 và phần vốn Nhà nước tại thời điểm chuyển thành Công ty cổ phần (ngày 01/9/2016) của Công ty TNHH MTV Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty đang thực hiện các thủ tục để thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh, nhưng vẫn chưa được cấp thẩm quyền phê duyệt.

5.20 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

a. Tài sản nhận giữ hộ

Tại ngày 30/6/2024, Công ty có các tài sản không cần dùng chờ thanh lý, bàn giao cho Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty TNHH MTV (nay là Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần) theo Quyết định 67/QĐ-HĐTV ngày 22/8/2017 "Về việc phê duyệt kết quả xác định giá trị doanh nghiệp lần 2 và phần vốn phải trả Nhà nước tại thời điểm chuyển thành Công ty Cổ phần (01/9/2016) của Tổng Công ty Lương Thực Miền Nam - Công ty TNHH MTV (nay là Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần) do Hội đồng thành viên Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty TNHH MTV phê duyệt. Cụ thể như sau:

	Nguyên giá VND	Hao mòn lũy kế VND	Giá trị còn lại VND
Máy móc thiết bị	41.804.306.894	41.541.017.678	263.289.216
Phương tiện vận tải	412.589.720	412.589.720	-
Thiết bị dụng cụ quản lý	1.157.761.629	1.157.581.788	179.841
Tổng	**43.374.658.243**	**43.111.189.186**	**263.469.057**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

5.20 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ(Tiếp theo)

b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số nợ đã xóa	
	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý	115.691.157.772	115.691.157.772

c. Ngoại tệ các loại

	30/06/2024	01/01/2024
EUR	-	149,31

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	185.147.321.640	173.940.608.517
Doanh thu cung cấp dịch vụ	27.564.594.427	28.278.530.645
Tổng	**212.711.916.067**	**202.219.139.162**

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Giá vốn bán hàng hóa và thành phẩm	178.409.796.359	169.512.722.962
Giá vốn cung cấp dịch vụ	29.854.600	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(143.864.370)
Tổng	**178.439.650.959**	**169.368.858.592**

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	17.588.486	29.432.014
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	123.838	368.285
Tổng	**17.712.324**	**29.800.299**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

6.4 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	130.879.639	(1.703.755.502)
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	258.797	318.149
Lãi chậm thanh toán	-	784.836.111
Tổng	**131.138.436**	**(918.601.242)**

6.5 Chi phí bán hàng

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Chi phí nhân viên	1.428.217.732	1.371.660.438
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	124.443.403	214.254.876
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	106.063.262	52.651.928
Chi phí khấu hao TSCĐ	542.508.425	560.450.123
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.074.031.547	829.514.570
Chi phí bằng tiền khác	298.270.766	123.333.539
Tổng	**3.573.535.135**	**3.151.865.474**

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.829.821.343	4.973.467.790
Chi phí vật liệu quản lý	146.107.121	168.660.466
Chi phí đồ dùng văn phòng	130.156.091	66.583.361
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.599.550.190	5.197.905.407
Thuế phí và lệ phí	19.393.069.232	19.452.079.817
Chi phí dịch vụ mua ngoài	997.653.397	737.041.670
Chi phí bằng tiền khác	1.104.301.763	921.645.840
Tổng	**31.200.659.137**	**31.517.384.351**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

6.7 Lợi nhuận khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	30.453.491	428.272.727
Thưởng doanh số, hỗ trợ, trưng bày	645.867.026	882.577.720
Các khoản khác	68.333.518	109.622.549
Tổng	**744.654.035**	**1.420.472.996**
Chi phí khác		
Các khoản khác	120.769.658	49.014.902
Tổng	**120.769.658**	**49.014.902**
Lợi nhuận khác	**623.884.377**	**1.371.458.094**

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	65.871.322.459	20.921.202.972
Chi phí nhân công	6.431.652.513	6.450.534.538
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.308.536.413	5.864.417.423
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.321.578.576	1.671.263.841
Chi phí khác bằng tiền	20.814.083.261	20.497.059.196
Tổng	**100.747.173.222**	**55.404.477.970**

6.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**8.529.101**	**500.890.380**
Các khoản điều chỉnh tăng	***120.769.658***	-
Chi phí không được trừ	*120.769.658*	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	**129.298.759**	**500.890.380**
Lỗ được kết chuyển	*(129.298.759)*	*(500.890.380)*
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	***20%***	***20%***
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	**8.529.101**	**500.890.380**
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) (i)	**8.529.101**	**500.890.380**
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	25.513.800	25.513.800
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	**0,33**	**20**

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Các khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

a. Các khoản cam kết

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh An Giang, thành phố Cần Thơ, tỉnh Đồng Tháp, tỉnh Lâm Đồng, tỉnh Tây Ninh, tỉnh Đắk Nông để sử dụng với mục đích làm nhà máy sản xuất, cửa hàng, siêu thị. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b. Về giá trị đền bù, hỗ trợ di dời khu đất số 270-277 Trần Văn Kiểu, phường 3, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Quyết định số 3318/QĐ-UBND ngày 06/7/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Công ty TNHH MTV Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh) đã bàn giao khu đất số 270-277 Trần Văn Kiểu, phường 3, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Việt Gia Phú để thực hiện đầu tư xây dựng khu nhà ở thương mại - dịch vụ - căn hộ. Việc bàn giao khu đất được các bên thực hiện theo Biên bản bàn giao nhận cơ sở nhà đất ngày 31/12/2015.

Để đảm bảo Công tác di dời tài sản trên đất, các bên bao gồm Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Việt Gia Phú và Công ty Cổ phần Thương mại Địa ốc Việt đã cùng ký thỏa thuận số 02/2015/BBTT-VCR ngày 04/12/2015. Theo thỏa thuận, chi phí hỗ trợ di dời được xác định là 12,5% trên tổng giá trị quyền sử dụng đất. Trong đó, giá trị quyền sử dụng đất được xác định như sau:

- Nếu trường hợp Nhà nước giao đất thực hiện dự án thì giá trị quyền sử dụng đất là giá đất được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt để chuyển giao đất thực hiện dự án.
- Nếu trường hợp Nhà nước cho thuê đất thực hiện dự án thì giá trị quyền sử dụng đất là giá đất được các bên thuê tổ chức thẩm định giá định giá khu đất.

Trong cả 2 trường hợp trên, giá khu đất không được thấp hơn giá trị quyền sử dụng đất cùng loại theo Quyết định 51/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh (24,9 triệu đồng/m2).

Ngày 31/12/2015, Công ty Cổ phần Thương mại Địa ốc Việt chuyển cho Công ty 10,799 tỷ đồng và Công ty đã ghi nhận vào thu nhập khác trên Báo cáo Kết quả kinh doanh năm 2015 đối với khoản tiền nhận hỗ trợ di dời này, đồng thời ghi nhận chi phí di dời có liên quan. Phần chênh lệch còn lại sẽ được Công ty ghi nhận khi có quyết định chính thức từ Ủy ban nhân dân Thành phố về thực hiện theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất hay cho thuê đất đối với lô đất nêu trên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.1 Các khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác (Tiếp theo)

c. Về tiền thuê Văn phòng làm việc tại số 57 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Từ ngày 30/9/2015 trở về trước, Công ty TNHH MTV Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh thuê của Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh nhà Thành phố Hồ Chí Minh tại số 57 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh để đặt trụ sở chính làm văn phòng Công ty. Theo Hợp đồng thuê nhà giữa hai bên và các phụ lục đính kèm hết hạn vào ngày 31/12/2014 thì giá thuê nhà cho đến khi hết hạn hợp đồng là 206 triệu đồng/tháng.

Ngày 12/8/2015, Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh nhà Thành phố Hồ Chí Minh đã ra thông báo số 1886/QLKDN-KD điều chỉnh giá thuê nhà từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/12/2015 là 560 triệu đồng/tháng với lý do Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh thay đổi đơn giá thuê nhà theo Quyết định số 35/2015/QĐ-UBND ngày 14/7/2015 quy định về hệ số điều chỉnh giá thuê năm 2015 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó Công ty TNHH MTV Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh được yêu cầu phải thanh toán thêm phần chênh lệch giữa đơn giá cũ và đơn giá mới từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/9/2015 với tổng số tiền là 3,186 tỷ đồng.

Công ty TNHH MTV Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh không đồng ý với giá thuê mới nên đã bị Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh nhà Thành phố Hồ Chí Minh khởi kiện ra tòa án nhân dân quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Bản án sơ thẩm số 05/2016/KDTM-ST ngày 22/4/2016 Tòa án nhân dân quận 6, thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận: Bác yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh nhà Thành phố Hồ Chí Minh theo đó Công ty TNHH MTV Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh không phải thanh toán số tiền chênh lệch 3,168 tỷ đồng.

Tại Bản án phúc thẩm số 1046/2016/KDTM-PT ngày 13/9/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận: Công ty TNHH MTV Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh không phải thanh toán số tiền chênh lệch của quý 1 và quý 2 năm 2015, Công ty TNHH MTV Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV Kinh doanh nhà Thành phố Hồ Chí Minh chênh lệch giá thuê quý 3 năm 2015 với số tiền 1,062 tỷ đồng. Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng Công ty đã trích trước toàn bộ khoản chi phí này vào kết quả kinh doanh của năm 2016.

Không đồng ý với phán quyết này, ngày 01/10/2016, Công ty tiếp tục làm đơn đề nghị xem xét thủ tục Giám đốc thẩm số 149/LT-TCHC ngày 04/10/2016 với yêu cầu: Hủy bản án Phúc thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận 6, thành phố Hồ Chí Minh. Đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn chưa nhận được thông tin từ phía Tòa án nhân dân cấp cao thành phố Hồ Chí Minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.2 Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan của Công ty như sau:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Song Mộc	Cổ đông lớn
3	Công ty Cổ phần Phú Tam Khôi	Công ty liên kết
4	Công ty Lương thực Bến Tre	Chi nhánh phụ thuộc của Công ty mẹ
5	Công ty Lương thực Sóc Trăng	Chi nhánh phụ thuộc của Công ty mẹ
6	Công ty Lương thực Thực Phẩm An Giang	Chi nhánh phụ thuộc của Công ty mẹ
7	Công ty Lương thực Trà Vinh	Chi nhánh phụ thuộc của Công ty mẹ
8	Công ty Lương thực Đồng tháp	Chi nhánh phụ thuộc của Công ty mẹ
9	Công ty Bột mì Bình Đông	Chi nhánh phụ thuộc của Công ty mẹ
10	Công ty Lương thực Sông Hậu	Chi nhánh phụ thuộc của Công ty mẹ
11	Công ty Nông sản Thực phẩm Trà Vinh	Chi nhánh phụ thuộc của Công ty mẹ
12	Công ty Lương thực Long An	Chi nhánh phụ thuộc của Công ty mẹ
13	Công ty Lương thực Bạc Liêu	Chi nhánh phụ thuộc của Công ty mẹ
14	Công ty Lương thực Vĩnh Long	Chi nhánh phụ thuộc của Công ty mẹ
15	Công ty Nông sản Thực Phẩm Tiền Giang	Chi nhánh phụ thuộc của Công ty mẹ
16	Công ty Lương thực Tiền Giang	Chi nhánh phụ thuộc của Công ty mẹ
17	Tổng Công ty Lương thực miền Nam - Công ty Cổ phần - Chi nhánh Thốt Nốt	Chi nhánh phụ thuộc của Công ty mẹ
18	Công ty Cổ phần Sài Gòn Lương thực	Cùng Công ty mẹ
19	Công ty Cổ phần Lương thực Nam Trung Bộ	Cùng Công ty mẹ
20	Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm Safoco	Cùng Công ty mẹ
21	Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Giang	Cùng Công ty mẹ
22	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm Cà Mau	Cùng Công ty mẹ
23	Công ty Cổ phần Tô Châu	Cùng Công ty mẹ
24	Công ty Cổ phần Lương thực Bình Định	Cùng Công ty mẹ
25	Công ty Cổ phần Lương thực Hậu Giang	Cùng Công ty mẹ
26	Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	Cùng Công ty mẹ
27	Công ty Cổ phần Lương thực Quảng Ngãi	Cùng Công ty mẹ
28	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang	Cùng Công ty mẹ
29	Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

a. Thu nhập từ tiền lương thực hiện của từng thành viên Hội đồng quản trị quản lý chuyên trách, từng thành viên Ban Tổng Giám đốc, từng thành viên Ban kiểm soát quản lý chuyên trách, và người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Ông Đoàn Quang Long	Chủ tịch HĐQT Nguyên Tổng Giám đốc	130.350.000	128.700.000
Ông Nguyễn Văn Linh	Tổng Giám đốc	64.350.000	-
Bà Trần Thị Xuân Mai	Thành viên HĐT Phó Tổng Giám đốc	113.850.000	113.850.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	Thành viên HĐQT Nguyên Phó Tổng Giám đốc	-	37.950.000
Bà Huỳnh Thị Phượng	Phó Tổng Giám đốc Kế toán trưởng	113.850.000	111.787.500
Bà Phan Thị Bích Tuyên	Phó Tổng Giám đốc	113.850.000	-
Ông Ngô Thành Giao	Trưởng ban kiểm soát	118.800.000	118.800.000
Tổng		**655.050.000**	**511.087.500**

b. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Bán hàng			**28.088.550.000**	**21.448.898.545**
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ	Bán gạo	27.888.550.000	21.443.230.000
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần - Chi nhánh Thốt Nốt		Cung cấp dịch vụ	200.000.000	-
Công ty Lương thực Tiền Giang		Bán hàng hóa	-	5.668.545

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

c. Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		**10.274.700.000**	**-**
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ	10.274.700.000	-
Phải trả người bán ngắn hạn		**24.361.723.614**	**24.361.723.614**
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ	24.361.723.614	24.361.723.614
Chi phí phải trả ngắn hạn		**16.905.433.869**	**16.905.433.869**
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ	10.466.444.992	10.466.444.992
		6.438.988.877	6.438.988.877
Phải trả khác		**17.222.929.928**	**17.222.929.928**
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ	17.222.929.928	17.222.929.928

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.3 Báo cáo bộ phận

Báo cáo kết quả bộ phận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	Kinh doanh gạo	Kinh doanh hàng công nghệ phẩm	Kinh doanh xăng dầu	Khác	Tổng
Tổng doanh thu	39.514.346.817	58.972.802.848	86.660.561.109	27.564.205.293	212.711.916.067
Giá vốn từng bộ phận	37.858.813.013	57.858.156.075	82.692.827.271	29.854.600	178.439.650.959
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	**1.655.533.804**	**1.114.646.773**	**3.967.733.838**	**27.534.350.693**	**34.272.265.108**

Báo cáo kết quả bộ phận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	Kinh doanh gạo	Kinh doanh hàng công nghệ phẩm	Kinh doanh xăng dầu	Khác	Tổng
Tổng doanh thu	35.452.712.028	66.556.294.494	71.931.601.995	28.278.530.645	202.219.139.162
Giá vốn từng bộ phận	34.229.058.961	65.557.735.900	69.582.063.731	-	169.368.858.592
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	**1.223.653.067**	**998.558.594**	**2.349.538.264**	**28.278.530.645**	**32.850.280.570**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

7.4 Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ, Công ty ghi nhận lãi sau thuế thu nhập doanh nghiệp là 8.529.101 VND, tuy nhiên khoản lỗ lũy kế đến thời điểm ngày 30/6/2024 là 192.839.417.740 VND. Ngoài ra, tại thời điểm ngày 30/6/2024, các khoản nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 45.565.156.423 VND. Ban Tổng Giám đốc Công ty đang thực hiện kế hoạch cơ cấu lại Công ty, tập trung vào những lĩnh vực mang lại hiệu quả, thanh lý các tài sản không cần dùng. Do đó, Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 vẫn được trình bày trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

7.5 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 7 năm 2024

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Phạm Thị Phương Lan	Huỳnh Thị Phượng	Nguyễn Văn Linh